

MỤC LỤC

Trang

<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các chữ viết tắt</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	5
1.1. Vai trò của các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế	5
1.2. Các phương tiện thanh toán quốc tế cơ bản	7
1.1.1. Séc	8
1.1.2. Hối phiếu	11
1.1.3. Kỳ phiếu	14
1.3. Chứng từ thanh toán trong thương mại quốc tế	17
1.4. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế	18
1.4.1. Phương thức chuyển tiền (Remittance)	20
1.4.2. Phương thức nhờ thu (Collection)	22
1.4.2.1. Phương thức nhờ thu trơn (Clean Collection)	22
1.4.2.2. Phương thức nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection)	23
1.4.3. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Letter of Credit)	25
1.5. Các văn bản pháp lý làm cơ sở cho các phương thức thanh toán quốc tế	31
1.5.1. Các thông lệ quốc tế và tập quán ngân hàng quốc tế	32
1.5.1.1. Bản quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP)	32
1.5.1.2. Một số văn bản pháp lý quan trọng khác	33
1.5.2. Luật quốc gia điều chỉnh quan hệ thanh toán quốc tế	35
Chương 2: QUAN HỆ PHÁP LÝ CỦA CÁC BÊN KHI THAM GIA VÀO CÁC PHƯƠNG THỨC	38

	THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN	
2.1.	Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức chuyển tiền của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại	38
2.2.	Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức thanh toán nhờ thu của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại	44
2.2.1.	Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu trong phương thức nhờ thu trơn	44
2.2.1.1.	Lợi ích pháp lý đối với nhà xuất khẩu	44
2.2.1.2.	Rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu	45
2.2.2.	Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu trong phương thức nhờ thu trơn	48
2.2.2.1.	Lợi ích pháp lý đối với nhà nhập khẩu	48
2.2.2.2.	Rủi ro pháp lý đối với nhà nhập khẩu	49
2.3.	Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức thanh toán tín dụng chứng từ của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại	54
2.3.1.	Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ	61
2.3.1.1.	Lợi ích pháp lý đối với nhà xuất khẩu	61
2.3.1.2.	Rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu	62
2.3.2.	Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ	67
2.3.2.1.	Lợi ích pháp lý đối với nhà nhập khẩu	67
2.3.2.2.	Rủi ro pháp lý đối với nhà nhập khẩu	68
2.3.3.	Rủi ro đối với các ngân hàng	72
	Chương 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GIẢM THIỂU RỦI RO PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NHÀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KHI THAM GIA THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN	78
3.1.	Hoàn thiện pháp luật đối với các phương thức thanh toán quốc tế	78
3.1.1.	Phương thức chuyển tiền	79

3.1.2.	Phương thức nhờ thu	81
3.1.3.	Phương thức tín dụng chứng từ	82
3.1.4.	Không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách trong thanh toán quốc tế tại Việt Nam	88
3.2.	Hoàn thiện pháp luật đối với hoạt động xuất nhập khẩu	92
3.2.1.	Đổi mới hoàn thiện chính sách quản lý và cơ chế điều hành kinh doanh xuất nhập khẩu	92
3.2.2.	Hoàn thiện chính sách pháp lý đối với hoạt động xuất nhập khẩu	94
3.2.3.	Tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp những thông tin về thị trường quốc tế	95
3.3.	Đối với các ngân hàng thương mại	96
3.3.1.	Định hướng quản lý rủi ro thanh toán quốc tế trong các giao dịch quốc tế	96
3.3.2.	Giải pháp hạn chế rủi ro thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng thương mại	98
3.3.2.1.	Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức chuyển tiền đối với các ngân hàng thương mại	98
3.3.2.2.	Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức nhờ thu đối với các ngân hàng thương mại	99
3.3.2.3.	Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức tín dụng chứng từ đối với các ngân hàng thương mại	100
3.4.	Đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu	104
	KẾT LUẬN	110
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới: Nền kinh tế thế giới là tổng thể các nền kinh tế của các quốc gia trên trái đất có mối liên hệ hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau thông qua sự phân công lao động quốc tế cùng với các quan hệ quốc tế của chúng. Theo đà phát triển đó, sự liên kết kinh tế giữa các nước ngày càng mật thiết và dần dần hình thành nên một thị trường thế giới thống nhất. Những mối quan hệ thương xuyên này giữa các nước đã làm phát sinh những quyền lợi và nghĩa vụ trong quan hệ thương mại và tiền tệ của nước này đối với nước khác, do đó tất yếu dẫn đến sự xuất hiện của thanh toán quốc tế. Thanh toán quốc tế là một dịch vụ ngày càng trở nên quan trọng đồng thời hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các nền kinh tế của các quốc gia trong quá trình hội nhập hiện nay. Thanh toán quốc tế ra đời dựa trên nền tảng thương mại quốc tế, nhưng thương mại quốc tế có tồn tại và phát triển được hay không lại phụ thuộc vào khâu thanh toán có thông suốt, kịp thời, an toàn và chính xác hay không.

Bên cạnh đó, cũng xuất phát từ thực tiễn lựa chọn và áp dụng các phương thức thanh toán quốc tế của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Thanh toán quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động thương mại quốc tế nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng. Nó là điểm kết thúc của giao dịch thương mại quốc tế, là khâu cuối cùng của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Thông qua thanh toán quốc tế, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện và hoàn tất, người bán nhận được tiền và người mua nhận được hàng hóa. Để người bán thu được tiền nhanh, đúng và đầy đủ, còn người mua là nhận hàng đúng số lượng, chất lượng và đúng hạn, các bên tham gia mua bán hàng hóa quốc tế phải dựa vào đặc điểm của từng thương vụ mua bán mà lựa chọn phương thức thanh toán cho phù hợp.

Hoạt động thanh toán quốc tế gắn liền với hoạt động thương mại quốc tế song phương, đa phương, liên quan đến nhiều chủ thể, nhiều đối tác tham gia ở các quốc gia khác nhau. Do vậy, hoạt động thanh toán quốc tế rất phức tạp, với nhiều bất cập nên sẽ gặp rủi ro rất lớn. Mỗi phương thức thanh toán đó có những lợi ích và rủi ro nhất định. Việc lựa chọn và sử dụng chúng như thế nào là tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa những

người tham gia thanh toán. Khi đàm phán về phương thức thanh toán, các bên đều nỗ lực thỏa thuận điều kiện thanh toán có lợi cho mình. Vì vậy việc nghiên cứu và làm sáng tỏ những lợi ích và rủi ro của các phương thức thanh toán quốc tế đang là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Từ những phân tích trên, người viết đã lựa chọn đề tài: ***“Các phương thức thanh toán quốc tế nhìn dưới góc độ lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu”***.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Tuy vấn đề lợi ích và rủi ro trong thanh toán quốc tế đã được bàn đến nhiều trong các đề tài khoa học, báo chí, luận án, luận văn, và trong những năm gần đây có một số công trình khoa học liên quan tới đề tài luận văn. Chấn hạn:

- “ Những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện các hoạt động thanh toán quốc tế của Việt Nam” (1995) của TS. Nguyễn Thị Quy – Luận án phó tiến sĩ khoa học kinh tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- “Những vấn đề cơ bản nhằm hoàn thiện các nghiệp vụ thanh toán của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận án tiến sĩ của TS. Lại Ngọc Quý (2002), Học Viện Ngân hàng, Hà Nội;
- “ Những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam”, của TS. Vũ Thị Thúy Nga, (2003), Luận án tiến sĩ, Học viện Ngân hàng Hà Nội;
- “ Hạn chế rủi ro thanh toán quốc tế đối với Ngân hàng Thương mại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế” của TS. Nguyễn Thị Hồng Hải, (2008), Luận án tiến sĩ, Học viện Ngân hàng, Hà Nội;

Ngoài ra còn có một số bài nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí luật học, tạp chí ngân hàng Song các nghiên cứu nói trên chỉ đề cập ở khía cạnh khác nhau về hoạt động thanh toán quốc tế của hệ thống ngân hàng thương mại ở nước ta nói chung, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách hệ thống, có tính cơ bản về lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý của các phương thức thanh toán quốc tế đối với nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong thương mại quốc tế. Nghiên cứu về lợi ích và rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu trong các phương thức thanh toán quốc tế có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn cho các doanh nghiệp Việt Nam, thúc đẩy hoạt động ngoại thương phát triển.

3. Mục đích của đề tài

Thứ nhất, nghiên cứu khái quát các quy định về các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản hiện hành và vai trò của các phương thức thanh toán quốc tế trong hoạt động ngoại thương.

Thứ hai, làm rõ các lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với mỗi phương thức thanh toán và các nhân tố tác động đến lợi ích và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngoại thương.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích thực trạng lợi ích và rủi ro pháp lý của các phương thức thanh toán quốc tế đối với nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu, luận văn trình bày một số biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong các phương thức thanh toán quốc tế để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế phát triển.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu:**

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về các phương thức thanh toán quốc tế, lợi ích và rủi ro pháp lý đối với các nhà xuất nhập khẩu của Việt Nam trong hoạt động ngoại thương.

- Nghiên cứu các trường hợp rủi ro thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp trên thực tế.

*** Phạm vi nghiên cứu đề tài:**

- Luận văn tập trung nghiên cứu vào mối quan hệ giữa các bên trong thương mại quốc tế để từ đó phân tích các lợi ích và rủi ro của các bên khi sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin làm phương pháp nghiên cứu là chủ yếu.

Bên cạnh đó, luận văn còn sử dụng các phương pháp khoa học khác như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê ... và minh họa bằng các vụ dụ cụ thể.

6. Kết cấu của luận văn

Kết cấu của luận văn gồm:

Mở đầu

Chương 1: Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế.

Chương 2: Quan hệ pháp lý của các bên khi tham gia vào các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản.

Chương 3: Một số đề xuất nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu khi tham gia thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản.

Kết luận.

Chương 1

CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Vai trò của các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế

Các quốc gia không thể tồn tại và phát triển nếu chỉ dựa vào các giao dịch, trao đổi hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động văn hóa, khoa học kỹ thuật và xã hội của bản thân quốc gia mình. Sự khác biệt về địa lý, khí hậu, môi trường và trình độ phát triển khoa học, kỹ thuật và nguồn nhân lực cũng như các yếu tố về xã hội học giữa các quốc gia đã làm cho lợi thế so sánh giữa các quốc gia không thể bằng nhau, nước này có lợi thế về mặt này nhưng lại bất lợi thế về mặt khác và nước khác thì ngược lại. Để có thể tồn tại và phát triển một cách thuận lợi, các quốc gia sẽ phải tiến hành trao đổi kinh tế và thương mại với nhau trên nguyên tắc mang cái mình có lợi thế trao đổi lấy cái mình chưa có lợi thế với các nước khác. Việc trao đổi các hoạt động kinh tế và thương mại giữa các quốc gia làm phát sinh các khoản thu và chi bằng tiền của nước này đối với nước khác trong từng giao dịch hoặc trong từng định kỳ chi trả do hai nước quy định. Trong mỗi quan hệ chi trả này, các quốc gia phải cùng nhau quy định những yếu tố cấu thành cơ chế thanh toán giữa các quốc gia như quy định về chủ thể tham gia thanh toán, lựa chọn tiền tệ, các công cụ và các phương thức đòi và hoặc chi trả tiền tệ. Tổng hợp các yếu tố cấu thành cơ chế đó tạo thành thanh toán quốc tế giữa các quốc gia.

Để thực hiện việc thanh toán trong quan hệ ngoại thương, người ta thường áp dụng các phương tiện thanh toán và các phương thức thanh toán khác nhau. Hiện nay, có nhiều phương thức thanh toán được sử dụng trong quan hệ ngoại thương giữa các nước với nhau. Mỗi phương thức thanh toán đó phản ánh một cách thức nhận, trả tiền hàng giữa các nhà nhập khẩu và xuất khẩu. Trong thanh toán quốc tế, việc lựa chọn phương thức thanh toán có ý nghĩa quan trọng quyết định tới hiệu quả hoạt động, bao

hàm cả số lượng và chất lượng, đồng thời giúp các bên tham gia giao dịch tránh được rủi ro trong kinh doanh.

1.2. Các phương tiện thanh toán quốc tế cơ bản

1.2.1. Séc

Theo Công ước Geneva năm 1931 về Luật thống nhất về Séc thì Séc là tờ mệnh lệnh trả tiền vô điều kiện do khách hàng của ngân hàng ký phát cho ngân hàng đó yêu cầu trích từ tài khoản của mình số tiền nhất định để trả cho người cầm tờ mệnh lệnh hoặc cho người được chỉ định trên tờ mệnh lệnh đó.

1.2.2. Hối phiếu

Hối phiếu là tờ lệnh đòi tiền vô điều kiện do một người ký phát cho một người khác, yêu cầu người này khi nhìn thấy lệnh hoặc đến ngày cụ thể nhất định hoặc đến ngày có thể xác định trong tương lai phải trả số tiền nhất định cho người nào đó; hoặc theo yêu cầu của người này trả cho người khác hoặc trả cho người cầm lệnh đó.

1.2.3. Kỳ phiếu

Kỳ phiếu do người thụ trái (người nhận nợ) viết ra để hứa cam kết trả tiền cho người hưởng lợi. Nói cách khác, kỳ phiếu là giấy nhận nợ hứa cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu phát ra trả số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác theo quy định trong kỳ phiếu đó.

1.3. Chứng từ thanh toán trong thương mại quốc tế

Căn cứ vào chức năng, ta có thể phân chia các chứng từ sử dụng trong thương mại và thanh toán quốc tế thành hai nhóm chính đó là:

- Các chứng từ thương mại: bao gồm hóa đơn, chứng từ vận tải, các chứng từ có tiêu đề hoặc các chứng từ tương tự khác, hoặc bất kỳ chứng từ nào khác không phải là chứng từ tài chính.
- Các chứng từ thanh toán (chứng từ tài chính): bao gồm hối phiếu, kỳ phiếu, séc hoặc các phương tiện tương tự khác được sử dụng trong việc chi trả, thanh toán tiền.

1.4. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế

Phương thức thanh toán là cách thức người hưởng lợi đòi tiền người trả tiền và người trả tiền trả tiền cho người hưởng lợi.

Trong thực tế thanh toán quốc tế hiện nay, người ta thường chỉ sử dụng ba phương thức thanh toán: phổ biến nhất là tín dụng chứng từ, sau là

đến chuyển tiền và một số lượng nhỏ các giao dịch sử dụng phương thức nhờ thu vì đây là ba phương thức thanh toán có nhiều ưu điểm và phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như hoạt động thanh toán quốc tế.

1.4.1. Phương thức chuyển tiền (Remittance)

Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó khách hàng (người yêu cầu chuyển tiền) yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng quy định. Phương thức thanh toán chuyển tiền có thể được thực hiện bằng hai hình thức chủ yếu sau:

- Chuyển tiền bằng thư (Mail transfer, M/T)
- Chuyển tiền bằng điện (Telegraphic transfer, T/T)

1.4.2. Phương thức nhờ thu (Collection)

Phương thức nhờ thu là phương thức mà người xuất khẩu sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng sẽ ký phát hối phiếu đòi tiền người mua, rồi đến nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu đó. Trong phương thức thanh toán nhờ thu, có các bên liên quan như sau:

- Tổ chức xuất khẩu, người cung ứng dịch vụ, người ký phát hối phiếu tức là người ra lệnh; Ngân hàng nhờ thu; Tổ chức nhập khẩu.

Căn cứ vào nội dung chứng từ thanh toán gửi đến ngân hàng nhờ thu, người ta chia phương thức thanh toán này thành 2 loại: Nhờ thu phiếu trơn (Clean Collection) và nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection), trong đó nhờ thu phiếu trơn ít được sử dụng.

1.4.2.1. Phương thức nhờ thu trơn (Clean Collection)

Đây là một phương thức thanh toán mà trong đó tổ chức xuất khẩu sau khi gửi hàng cho tổ chức nhập khẩu, ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền của người mua căn cứ vào hối phiếu (bill of exchange) do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người mua không thông qua ngân hàng.

1.4.2.2. Phương thức nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection)

Đây là phương thức thanh toán mà trong đó tổ chức xuất khẩu sau khi hoàn thành phương thức giao hàng thì lập một bộ chứng từ thanh toán nhờ thu và nhờ ngân hàng thu hộ tiền của tờ hối phiếu với điều kiện người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền thì ngân hàng mới trao cho bộ chứng từ để đi nhận hàng.

1.4.3. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Letter of Credit)

Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ là sự thỏa thuận, trong đó, một ngân hàng (ngân hàng mở tín dụng – the issuing bank) theo yêu cầu của một khách hàng (người xin mở tín dụng – applicant for credit) sẽ trả cho người thứ ba hoặc trả cho bất cứ người nào theo lệnh của người thứ ba đó (gọi là người hưởng lợi – beneficiary); hoặc sẽ trả, hoặc chấp nhận và thanh toán hối phiếu do người hưởng lợi phát hành; hoặc ủy quyền cho một ngân hàng khác thanh toán; chấp nhận và thanh toán hoặc cho phép ngân hàng khác chiết khấu chứng từ với điều kiện chúng phù hợp với tất cả mọi quy định và điều kiện của thư tín dụng.

Các bên tham gia trong phương thức tín dụng chứng từ gồm có:

- Người yêu cầu mở thư tín dụng; Ngân hàng phát hành thư tín dụng; Người hưởng lợi thư tín dụng; Ngân hàng thông báo thư tín dụng.

1.5. Các văn bản pháp lý làm cơ sở cho các phương thức thanh toán quốc tế

Pháp luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế gồm hai bộ phận, đó là pháp luật quốc tế (thông lệ quốc tế và tập quán quốc tế) và pháp luật quốc gia.

1.5.1. Các thông lệ quốc tế và tập quán ngân hàng quốc tế

1.5.1.1. Bản quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP)

Bản quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ lần đầu tiên được áp dụng vào năm 1993 (gọi tắt là UCP 500) do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành nhằm thống nhất những nội dung và sự hiểu biết chung trong giao dịch thương mại quốc tế giữa các khu vực, các châu lục. UCP5000 đã vượt qua quãng thời gian tồn tại hơn mười năm, vì vậy có những vấn đề không còn phù hợp với thực tiễn ứng dụng và sự phát triển của các ngành vận tải, bảo hiểm, công nghệ và viễn thông.

Vì những lý do trên, tháng 5 năm 2003, Ủy ban ngân hàng của ICC đã ra quyết định sửa đổi UCP500, thành lập nhóm soạn thảo để nghiên cứu, tập hợp ý kiến và dự thảo UCP600. UCP600 bao gồm 39 điều khoản, đã được hoàn tất vào tháng 10 năm 2006 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2007.

1.5.1.2. Một số văn bản pháp lý quan trọng khác

- Quy tắc thống nhất về nhờ thu – bản sửa đổi năm 1995 số 522 (URC, REV 1995, Pub 522, ICC).

- Quy tắc hoàn trả liên hàng theo phương thức tín dụng chứng từ - bản sửa đổi số 525, năm 1995 (URR, REV 1995, Pub 525, ICC).
- Luật thống nhất về hối phiếu theo công ước Geneve năm 1930 (ULB 1930 Geneve).
- Công ước Geneve về Séc quốc tế năm 1931 (Geneve Conventions for Check 1931) ...v...v..

1.5.2. Luật quốc gia điều chỉnh quan hệ thanh toán quốc tế

Đây là nguồn pháp luật cơ bản điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động thương mại nói chung và thương mại quốc tế nói riêng.

- Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Pháp lệnh ngoại hối 2005 và Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 quy định chi tiết pháp lệnh ngoại hối.....

Chương 2

QUAN HỆ PHÁP LÝ CỦA CÁC BÊN KHI THAM GIA VÀO CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN

2.1. Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức chuyển tiền của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại

Ưu điểm đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu là thủ tục chuyển tiền đơn giản, thuận lợi cho người chuyển tiền, thời gian chuyển tiền ngắn nên người thụ hưởng có thể nhanh chóng nhận được tiền. Tuy vậy, nhược điểm trong thanh toán chuyển tiền lại là quá trình chu chuyển hàng hóa dịch vụ có thể tách rời khỏi chu chuyển tài chính trong thời gian tạo nên rủi ro cho cả hai bên (người chuyển tiền – nhà nhập khẩu và người thụ hưởng – nhà xuất khẩu). Khi chuyển tiền trước, nhà nhập khẩu cứ lo sợ mất tiền nếu nhà xuất khẩu không giao hàng hay giao hàng không đúng yêu cầu về số lượng, chủng loại, chất lượng và thời gian làm vỡ kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà nhập khẩu. Ngược lại, trong trường hợp trả tiền sau nhà xuất khẩu hoàn toàn bị lệ thuộc vào thiện chí và uy tín thanh toán của nhà nhập khẩu. Mặt khác, lại có khi rủi ro hoàn toàn khách quan như biến cố chính trị, xã hội, kinh tế hay một tai nạn bất ngờ khiến cho một bên kết ước bất đắc dĩ bội tín làm ảnh hưởng đến đối tác làm ăn. Do việc thanh toán chủ yếu được thực hiện bằng điện nên thời gian thanh toán nhanh, nếu

phát hiện ra sai sót (có thể từ phía người chuyển hoặc ngân hàng chuyển) sau khi đã chuyển tiền thì sẽ khó khăn trong việc thông báo, điều chỉnh nhất là khi người thụ hưởng đã nhận tiền. Ngân hàng chỉ giữ vai trò trung gian thanh toán quá thụ động, chờ khách hàng ra lệnh rồi mới thực hiện.

2.2. Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức thanh toán nhờ thu của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại

2.2.1. Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu trong phương thức thanh toán nhờ thu

2.2.1.1. Lợi ích pháp lý đối với nhà xuất khẩu

** Đối với phương thức nhờ thu trơn:*

Trong phương thức nhờ thu trơn, ngân hàng chỉ đóng vai trò trung gian trong thanh toán bởi vì toàn bộ chứng từ hàng hóa đã được giao cho người nhập khẩu nên ngân hàng đại lý không thể khống chế người nhập khẩu được. Người mua có thể nhận hàng rồi mà không chịu trả tiền hoặc chậm trễ trong thanh toán. Phương thức nhờ thu trơn không đảm bảo quyền lợi của bên xuất khẩu vì việc nhận hàng và việc thanh toán không ràng buộc nhau do đó rủi ro chủ yếu thuộc về nhà xuất khẩu. Vì vậy, người xuất khẩu chỉ nên áp dụng phương thức này trong trường hợp có quan hệ lâu năm và tín nhiệm người nhập khẩu.

** Đối với phương thức nhờ thu kèm chứng từ:*

Trong phương thức nhờ thu kèm chứng từ, người xuất khẩu ngoài việc ủy thác cho ngân hàng thu tiền còn nhờ ngân hàng thông qua việc khống chế bộ chứng từ hàng hóa để buộc người nhập khẩu phải trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền. Nhà xuất khẩu chắc chắn rằng bộ chứng từ chỉ được trao cho nhà nhập khẩu sau khi người này đã thanh toán hay chấp nhận thanh toán. Nhờ vậy phương thức này đảm bảo khả năng thu tiền hơn phương thức chuyển tiền và phương thức nhờ thu trơn. Ở phương thức này đã có sự ràng buộc chặt chẽ giữa việc thanh toán tiền và việc nhận hàng của bên mua. Tuy nhiên việc bên mua có nhận hàng và thanh toán hay không vẫn tùy thuộc vào thiện chí của người mua, như vậy quyền lợi của bên bán vẫn chưa được đảm bảo.

2.2.1.2. Rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu

** Đối với phương thức nhờ thu trơn:*

Như đã nói ở trên, phương thức nhờ thu trơn không đảm bảo quyền lợi của bên xuất khẩu vì việc nhận hàng và việc thanh toán không ràng

buộc nhau do đó rủi ro chủ yếu thuộc về nhà xuất khẩu. Người mua có thể nhận hàng rồi mà không chịu trả tiền hoặc chậm trễ trong thanh toán. Ngân hàng chỉ làm trung gian đơn thuần thu được tiền hay không ngân hàng cũng thu phí, ngân hàng không chịu trách nhiệm nếu bên nhập khẩu không thanh toán. Phương thức này chỉ sử dụng khi cả hai bên phải tin cậy lẫn nhau, bởi vì việc trả tiền có được thực hiện hay không còn hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của nhà nhập khẩu, còn Ngân hàng chỉ là người trung gian thu hộ.

** Đối với phương thức nhờ thu kèm chứng từ:*

Rủi ro cho nhà xuất khẩu trong phương thức này tập trung chủ yếu vào việc thanh toán không được thực hiện sau khi hàng giao. Nó bao gồm những điểm sau:

- Làm trái với lệnh nhờ thu, ngân hàng xuất trình đã trao bộ chứng từ hàng hóa cho nhà nhập khẩu trước khi người này thanh toán hay chấp nhận thanh toán.
- Chữ ký chấp nhận thanh toán có tên bị giả mạo, hoặc người ký chấp nhận không đủ thẩm quyền hay chưa được đăng ký mẫu dấu, chữ ký.
- Toàn bộ hay một phần chứng từ bị thất lạc ..v...v...

2.2.2. Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu trong phương thức thanh toán nhờ thu

2.2.2.1. Lợi ích pháp lý đối với nhà nhập khẩu

Trong phương thức thanh toán nhờ thu nói chung, nhà nhập khẩu có nhiều lợi ích pháp lý về quyền thanh toán hơn nhà xuất khẩu. Đặc điểm nổi bật của nhờ thu là việc thanh toán phụ thuộc vào khả năng tài chính và thiện chí trả tiền của nhà nhập khẩu. Thời gian và hiệu quả thanh toán phụ thuộc chủ yếu vào nhà nhập khẩu. Cụ thể:

** Đối với phương thức nhờ thu trơn:*

Thông thường nhà nhập khẩu tiếp cận được hàng hoá, nhận hàng hoá trước khi thanh toán. Nhà nhập khẩu chưa phải thanh toán tiền hàng nhưng đã nắm giữ được chứng từ để nhận hàng từ nhà chuyên chở. Do đó, ở phương thức thanh toán này nhà nhập khẩu có nhiều lợi thế hơn nhà xuất khẩu, việc thanh toán nhanh hay chậm hay không thanh toán phụ thuộc nhiều vào nhà nhập khẩu.

** Đối với phương thức nhờ thu kèm chứng từ:*

Trong phương thức này, nhà nhập khẩu được kiểm tra bộ chứng từ tại ngân hàng xuất trình trước khi thanh toán hay chấp nhận thanh toán. Do

vậy, việc nhà nhập khẩu có nhận hàng và thanh toán hay không vẫn tùy thuộc vào thiện chí của nhà nhập khẩu.

2.2.2.2. *Rủi ro pháp lý đối với nhà nhập khẩu*

** Đối với phương thức nhờ thu trơn:*

Trong phương thức nhờ thu trơn, rủi ro có thể phát sinh khi hồi phiếu đòi tiền đến trước và nhà nhập khẩu phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc chấp nhận trong khi hàng hóa không được gửi đi, hoặc đã gửi đi nhưng chưa tới, hoặc khi nhận hàng hóa có thể không đảm bảo đúng chất lượng, chủng loại và số lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng thương mại. Hàng hóa giao nhận không đúng qui cách phẩm chất, mẫu mã như trong hợp đồng đã ký vì vậy nhà nhập khẩu không chấp nhận hàng, điều này có thể gây tổn chi phí đàm phán kí kết hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh của phía nhập khẩu.

** Đối với phương thức nhờ thu kèm chứng từ* phần lớn rủi ro thuộc về nhà xuất khẩu, tuy nhiên nhà nhập khẩu vẫn đứng trước các rủi ro sau:

Cho dù nhà nhập khẩu có cơ hội kiểm chứng từ trước khi thanh toán hay chấp nhận thanh toán, nhưng hàng hóa thì có thể đã không được kiểm định, chưa được bảo hiểm đầy đủ, hay không tuân theo các tiêu chuẩn ghi trong hợp đồng thương mại. Nhà nhập khẩu có thể đứng trước rủi ro khi nhà xuất khẩu lập bộ chứng từ giả, có sai sót, hay cố tình gian lận thương mại. Bộ vận đơn gốc có đầy đủ hay một người nào khác đã lợi dụng chúng để đi nhận hàng? Các ngân hàng không chịu trách nhiệm khi chứng từ giả mạo hay có sai sót, hoặc hàng hóa hay phương tiện vận tải không khớp với chứng từ.

** Rủi ro đối với các ngân hàng thương mại trong phương thức nhờ thu kèm chứng từ:*

- Đối với ngân hàng chuyển chứng từ: Nhìn chung, ngân hàng bên bán chỉ chịu rủi ro khi đã thanh toán hay đã cho nhà xuất khẩu vay trước khi nhận được tiền chuyển đến từ ngân hàng bên mua (chiết khấu chứng từ nhờ thu). Nếu không nhận được tiền chuyển đến, ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong việc nhà xuất khẩu hoàn trả tiền vay.

- Đối với ngân hàng xuất trình: Nếu ngân hàng xuất trình chuyển tiền cho ngân hàng chuyển chứng từ trước khi nhà nhập khẩu thanh toán, thì phải chịu rủi ro nếu như nhà nhập khẩu không nhận chứng từ và không thanh toán hoặc không chấp nhận thanh toán.

Nếu ngân hàng xuất trình cho nhà nhập khẩu vay để thanh toán, thì có thể chịu rủi ro tín dụng từ phía nhà nhập khẩu...v.v..

2.3. Những lợi ích và rủi ro pháp lý đối với phương thức thanh toán tín dụng chứng từ của nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kinh doanh thương mại

2.3.1. Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

2.3.1.1. Lợi ích pháp lý đối với nhà xuất khẩu

Thanh toán bằng thư tín dụng tạo điều kiện cho các bên đạt được thỏa thuận nhanh chóng về điều khoản thanh toán khi mới thiết lập giao dịch hoặc khi các bên không đủ độ tin cậy lẫn nhau. Chính sự tham gia tích cực của ngân hàng phát hàng L/C và ngân hàng thông báo L/C vào quá trình thanh toán mà khiến cho phương thức thanh toán bằng L/C trở nên hiệu quả hơn, đáp ứng được yêu cầu của các bên tốt hơn và điều đó sẽ góp phần làm gia tăng hoạt động thương mại trong nước cũng như quốc tế. Trong phương thức này, ngân hàng sẽ thực hiện thanh toán đúng như quy định trong thư tín dụng bất kể việc người mua có muốn trả tiền hay không. Việc chậm trễ trong việc chuyển chứng từ được hạn chế tối đa.

2.3.1.2. Rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu

Rủi ro dễ gặp nhất là việc nhà xuất khẩu lập bộ chứng từ gửi hàng. Những sai sót tưởng như rất nhỏ bé, đơn giản như sai chính tả, tên, địa chỉ, số lượng và cả những sai sót lớn hơn như thiếu loại chứng từ, không thống nhất với nhau, hồi phiếu ghi sai người ký phát đều gây khó khăn cho nhà xuất khẩu trong việc thanh toán.

Ngay khi nhà xuất khẩu đã chấp nhận các điều kiện của thư tín dụng, vẫn gặp rủi ro trong khâu thanh toán: Bộ chứng từ không phù hợp và ngân hàng từ chối thanh toán hoặc ngân hàng phát hành/ngân hàng xác nhận mất khả năng thanh toán.

Nhà xuất khẩu cũng gặp rủi ro do ngân hàng phát hành L/C không thực hiện đúng cam kết của mình trong thanh toán cho nhà xuất khẩu. Hoặc rủi ro do người nhập khẩu lừa đảo cấu kết với những cá nhân hay tổ chức phi ngân hàng lập nên những bộ chứng từ giả để lừa đảo hòng chiếm đoạt hàng mà không phải trả tiền.

2.3.2. Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

2.3.2.1. Lợi ích pháp lý đối với nhà nhập khẩu

Với phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, chỉ khi hàng hoá thực sự được giao thì người nhập khẩu mới phải trả tiền. Người nhập khẩu có thể yên tâm là người xuất khẩu sẽ phải làm tất cả những gì theo quy định trong L/C để đảm bảo việc người xuất khẩu sẽ được thanh toán tiền (nếu không người xuất khẩu sẽ mất tiền). Trước hết, nhà nhập khẩu sẽ nhận được hàng hoá như thể hiện trong các chứng từ được ngân hàng mở L/C ghi rõ trong thư tín dụng. Anh ta cũng được bảo đảm rằng tài khoản của mình sẽ chỉ bị ghi nợ số tiền của thư tín dụng khi tất cả các chỉ thị của thư tín dụng được thực hiện đúng.

2.3.2.2. Rủi ro pháp lý đối với nhà nhập khẩu

Ngân hàng sẽ tiến hành trả tiền cho người hưởng lợi dựa trên các chứng từ được xuất trình, không dựa vào việc kiểm tra thực tế hàng hoá. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các chứng từ mà chỉ kiểm tra tính hợp lệ bề ngoài của chứng từ, ngân hàng cũng không chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng hàng được giao. Nếu như nhà xuất khẩu chủ tâm gian lận có thể xuất trình chứng từ giả mạo cho ngân hàng chỉ định để thanh toán. Rủi ro cũng xảy ra khi cần thiết có sự thay đổi về các điều khoản trong hợp đồng thì nhà nhập khẩu phải tu chỉnh, sửa đổi các điều khoản trong L/C.

Bên cạnh những rủi ro xuất phát từ các bên tham gia trong tín dụng chứng từ còn có những rủi ro chính trị do sự thay đổi đột ngột những qui định về thuế của Nhà nước hay do lệnh cấm vận đối với một quốc gia đã gây khó khăn cho các bên tham gia thanh toán tín dụng chứng từ.

2.3.3. Rủi ro đối với các ngân hàng

**** Ngân hàng phát hành (NHPH):***

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái biến động.
- Rủi ro do nhà nhập khẩu mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản.
- Một số rủi ro khác

**** Đối với Ngân hàng thông báo:***

Ngân hàng thông báo chịu trách nhiệm phải có sự “quan tâm hợp lý” để đảm bảo rằng thư tín dụng là chân thật, bao gồm cả việc xác thực chữ ký, khoá mã, mẫu điện trước khi gửi thông báo cho nhà xuất khẩu. Ngân hàng thông báo chịu trách nhiệm khi quyết định không thông báo thư tín dụng mà không gửi thông báo về quyết định của mình cho ngân hàng phát hành biết một cách không chậm trễ.

**** Đối với Ngân hàng được chỉ định:***

Trừ khi là ngân hàng xác nhận, các ngân hàng được chỉ định không có một trách nhiệm nào phải thanh toán cho người xuất khẩu trước khi nhận được tiền từ ngân hàng phát hành. Tuy nhiên, trong thực tế, trên cơ sở bộ chứng từ xuất trình, các ngân hàng được chỉ định thường ứng trước cho nhà xuất khẩu với điều kiện truy đòi để trợ giúp nhà xuất khẩu, do đó, ngân hàng này phải tự chịu rủi ro tín dụng với ngân hàng phát hành hoặc nhà xuất khẩu.

** Đối với Ngân hàng xác nhận:*

Nếu bộ chứng từ là hoàn hảo, thì Ngân hàng xác nhận phải trả tiền cho nhà xuất khẩu bất luận là có truy hoàn được tiền từ ngân hàng phát hành hay không. Như vậy, Ngân hàng xác nhận chịu rủi ro tín dụng đối với ngân hàng phát hành, cũng như rủi ro chính trị và rủi ro cơ chế (hạn chế ngoại hối) của nước ngân hàng phát hành.

Ngân hàng xác nhận không nắm được năng lực tài chính của ngân hàng phát hành mà vội xác nhận theo yêu cầu của họ để cuối cùng ngân hàng xác nhận phải lãnh trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng phát hành do ngân hàng phát hành thiếu thiện chí hay mất khả năng thanh toán, thậm chí bị phá sản....

** Đối với Ngân hàng chiết khấu chứng từ:*

Theo UCP 600, ngân hàng phát hành được quyền từ chối thanh toán bộ chứng từ có lỗi (phần lớn tùy thuộc thiện chí nhà nhập khẩu). Mặc dù điều khoản chiết khấu cho phép ngân hàng chiết khấu được phép truy đòi lại nhà xuất khẩu nhưng nếu nhà xuất khẩu không đủ khả năng thanh toán thì ngân hàng chiết khấu gặp rủi ro.

Chương 3

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GIẢM THIỂU RỦI RO PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NHÀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KHI THAM GIA THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ CƠ BẢN

3.1. Hoàn thiện pháp luật đối với các phương thức thanh toán quốc tế

Kinh doanh xuất nhập khẩu không chỉ đóng vai trò là cầu nối cho giao lưu kinh tế giữa các nước mà còn là động lực phát triển cho các lĩnh vực kinh tế trong nước và nâng cao sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế của mỗi quốc gia. Với vai trò như vậy hoạt động xuất nhập khẩu khó mà có thể tồn tại và phát triển được nếu không có hoạt động thanh toán quốc tế.

Chính vì vậy, hành lang pháp lý nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong hoạt động thanh toán quốc tế để đảm bảo lợi ích cho các chủ thể, đảm bảo an toàn cho nền kinh tế là điều cần thiết và tất yếu. Hành lang pháp lý đồng bộ có tác dụng thúc đẩy hoạt động thương mại và thanh toán quốc tế, ngược lại, sự chưa hoàn chỉnh của hành lang pháp lý tạo nên sự bị động, không có cơ sở để giải quyết các tranh chấp, quyền lợi của các bên không được bảo vệ.

Do đó, nhằm giảm thiểu rủi ro và hướng tới đảm bảo các lợi ích pháp lý của các bên trong hoạt động thanh toán quốc tế, tác giả có một số kiến nghị sau:

3.1.1. Phương thức chuyển tiền

Việc chuyển tiền qua ngân hàng phải tuân thủ các quy định của Pháp lệnh ngoại hối và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm góp phần thực hiện chính sách quản lý ngoại hối của Nhà nước. Trên cơ sở Nghị định 160/2006/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước cần ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể nhằm giúp các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thực thi Pháp lệnh ngoại hối. Cần thiết phải xây dựng một quy chế pháp lý cụ thể quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia hoạt động thương mại quốc tế có sử dụng phương thức chuyển tiền làm phương thức thanh toán, nhằm giảm thiểu rủi ro của các bên.

Bên cạnh các quy định về ngoại hối cần xây dựng khuôn khổ pháp lý mới cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam nhằm thay thế thay thế Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 (Nghị định 64) về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

3.1.2. Phương thức nhờ thu

Nhờ thu là giao dịch riêng biệt trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại thương. Hơn nữa, lại chưa có văn bản pháp lý điều chỉnh chi tiết về phương thức này, vì vậy nếu các tranh chấp liên quan đến phương thức nhờ thu sẽ được tòa xử theo luật hiện hành của Việt Nam, điều này gây nhiều bất lợi cho các bên tham gia. Do đó, Nhà nước cũng cần sớm đưa ra những văn bản pháp lý điều chỉnh chi tiết về phương thức thanh toán nhờ thu trên cơ sở kế thừa chọn lọc những ưu điểm của URC 522 cho giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu. Mối quan hệ về nghĩa vụ và trách nhiệm giữa người mua, người bán và ngân hàng khi tham gia phương thức nhờ thu cần được pháp lý hóa trên cơ sở luật pháp quốc gia và phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.1.3. Phương thức tín dụng chứng từ

Một cách khái quát, tôi cho rằng việc hoàn thiện pháp luật về thanh toán bằng thư tín dụng cần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cần ban hành ngay một văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao về giao dịch thanh toán bằng thư tín dụng. Văn bản này có thể nên được ban hành dưới hình thức Nghị định là phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn ở Việt Nam. Trong quá trình ban hành Nghị định này, các chuyên gia và cơ quan nhà nước có thẩm quyền soạn thảo nên tham chiếu đầy đủ, toàn diện nội dung của UCP để thiết kế các điều khoản áp dụng cho các giao dịch thanh toán trong nước. Ngoài ra, cần có điều khoản dẫn chiếu đến việc áp dụng trực tiếp các điều khoản của UCP đối với giao dịch thanh toán quốc tế giữa bên Việt Nam và bên nước ngoài trong hoạt động thương mại quốc tế.

Thứ hai, cần có các quy định pháp lý cụ thể nhằm giải quyết mối quan hệ xung đột giữa thông lệ quốc tế và luật pháp trong nước.

Thứ ba, cần bổ sung một số vấn đề pháp lý quan trọng về tín dụng chứng từ khi ban hành văn bản pháp luật độc lập về thanh toán bằng thư tín dụng như kiến nghị ở phần trên.

Thứ tư, tổ chức xã hội nghề nghiệp như Hiệp hội ngân hàng cần hướng dẫn quy trình nghiệp vụ thanh toán bằng tín dụng chứng từ, cũng như chủ động đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho hệ thống ngân hàng.

3.1.4. Không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách trong thanh toán quốc tế tại Việt Nam

Hoạt động thanh toán quốc tế chủ yếu được diễn ra thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại, là một hoạt động không chỉ đơn thuần là mối quan hệ mang tính nội bộ trong nước mà còn là mối quan hệ mang tính chất quốc tế. Hoạt động thanh toán quốc tế luôn diễn ra một cách thường xuyên và liên tục bởi vì nó chính là một mắt xích quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Với vai trò quan trọng như vậy, yêu cầu đặt ra đối với cơ quan quản lý Nhà nước mà cụ thể là Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cần phải xây dựng một hệ thống khung pháp lý làm cơ sở cho hoạt động thanh toán quốc tế. Dựa trên cơ sở đó, các ngân hàng thương mại có thể hoạt động một cách chặt chẽ, có quy tắc và hiệu quả hơn. Mặt khác một trong những nguyên nhân dẫn đến rủi ro pháp lý trong giao dịch

thanh toán quốc tế là sự thiếu vắng các văn bản pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các bên trong quy trình thanh toán.

Một vấn đề quan trọng không kém trong việc hoàn thiện pháp luật thanh toán quốc tế là việc gia nhập các điều ước quốc tế song phương và đa phương về thương mại. Trong quá trình hội nhập và phát triển, việc tham gia vào các điều ước quốc tế song phương và đa phương là tất yếu đối với Việt Nam, đặc biệt là các điều ước quốc tế trong lĩnh vực thương mại.

3.2. Hoàn thiện pháp luật với hoạt động xuất nhập khẩu

3.2.1. Đổi mới hoàn thiện chính sách quản lý và cơ chế điều hành kinh doanh xuất nhập khẩu

Công tác quản lý và điều hành kinh doanh XNK trong những năm qua đã có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận song vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, gây khó khăn cho quá trình thực hiện hợp đồng XNK. Thủ tục hải quan, thủ tục hành chính trên thực tế còn rườm rà, chưa rõ ràng; các văn bản pháp luật còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn nhau, hay thay đổi, thói nhũng nhiễu, quan liêu, tắc trách, tùy tiện, sự yếu kém về năng lực phẩm chất của một bộ phận cán bộ công chức luôn gây trở ngại không nhỏ tới hoạt động kinh doanh XNK của các doanh nghiệp.

Mọi hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu sự điều tiết của các chính sách kinh tế, các văn bản pháp luật, cơ chế quản lý và điều hành của Nhà nước. Đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thì chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chính sách ngoại thương, thuế... Với chính sách pháp luật phù hợp và bám sát với điều kiện kinh tế sẽ giúp doanh nghiệp yên tâm hơn trong việc ký kết hợp đồng ngoại thương.

3.2.2. Hoàn thiện chính sách pháp lý đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Để thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, Nhà nước cần tăng cường hiệu lực các văn bản và thủ tục xuất nhập khẩu, cần có chính sách khuyến khích và kiểm soát hoạt động XNK. Cần có quy chế bắt buộc đối với các doanh nghiệp phải có đủ điều kiện về tài chính, trình độ quản lý, phương hướng phát triển kinh doanh... thì mới cấp giấy phép XNK trực tiếp (trở thành các bên tham gia vào quan hệ tín dụng chứng từ). Thực tế cho thấy, thực lực tài chính của các doanh nghiệp nước ta hiện nay vẫn còn yếu, hoạt động kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay ngân hàng. Nếu kinh doanh thua lỗ sẽ trực tiếp có ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng, uy tín thanh toán đối với ngân hàng. Do vậy, trước mắt Chính phủ cần rà soát lại các đơn vị, tổ

chức kinh tế không đủ điều kiện tham gia hoạt động XNK trực tiếp thì chuyển sang uỷ thác xuất khẩu, tránh những rủi ro có thể xảy ra.

3.2.3. Tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp những thông tin về thị trường quốc tế

Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên việc tìm kiếm thông tin thị trường, tự trang trải mọi khoản chi phí phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, thiết lập kênh phân phối ... là không thể thực hiện. Nhà nước cần hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin, tư vấn pháp lý, nguồn tài chính ... để gia nhập thị trường quốc tế một cách vững vàng, hạn chế gặp phải rủi ro khi phải kinh doanh trong tình trạng bất lợi, thiếu thông tin, thiếu bình đẳng.

Cần tăng cường chất lượng hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước. Việc thu thập, phân tích, xử lý kịp thời và chính xác các thông tin về tình hình tài chính, quan hệ tín dụng, khả năng thanh toán, tư cách pháp nhân của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài là vô cùng quan trọng.

3.3. Đối với các ngân hàng thương mại

3.3.1. Định hướng quản lý rủi ro thanh toán quốc tế trong các giao dịch quốc tế

Tìm hiểu và vận dụng tối đa một cách hiệu quả các quy phạm pháp luật, các quy ước, cam kết và tập quán quốc tế về hoạt động TTQT.

Xây dựng chính sách quản lý rủi ro thanh toán quốc tế trong chiến lược quản lý rủi ro tổng thể ở mỗi ngân hàng thương mại và nội dung chính sách này cần được cụ thể hóa trong hoạt động TTQT.

Nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ làm công TTQT.

Đổi mới mô hình hoạt động thanh toán quốc tế theo hướng tập trung thống nhất và chuyên sâu. Mở rộng hiệu quả mạng lưới ngân hàng đại lý. Việc thiết lập và mở rộng quan hệ đại lý với các ngân hàng nước ngoài có ý nghĩa chiến lược trong việc phát triển nghiệp vụ TTQT ở các ngân hàng thương mại.

3.3.2. Giải pháp hạn chế rủi ro thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng thương mại

3.3.2.1. Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức chuyển tiền đối với các ngân hàng thương mại

Khi khách hàng lựa chọn phương thức chuyển tiền làm phương thức thanh toán trong hợp đồng XNK, thì các ngân hàng chỉ nên xem xét tài trợ

cho khách hàng xuất khẩu đã được cấp hạn mức tín dụng thanh toán XNK, có hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức này và có tài sản đảm bảo, có kinh nghiệm, có uy tín trong thanh toán XNK, có khách hàng nhập khẩu đáng tin cậy tại các thị trường truyền thống.

3.3.2.2. Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức nhờ thu đối với các ngân hàng thương mại

Các ngân hàng thương mại chỉ nên xem xét tài trợ cho các khách hàng đã được cấp hạn mức tín dụng trong thanh toán XNK, có tài sản đảm bảo và tất nhiên là có hợp đồng XNK thanh toán theo phương thức nhờ thu kèm chứng từ trong đó toàn bộ vận đơn lập theo lệnh của ngân hàng thu tiền và được gửi cho ngân hàng phục vụ để gửi đi nước ngoài nhờ thu (khách hàng xuất) hoặc toàn bộ vận đơn lập theo lệnh của ngân hàng thu hộ và được ngân hàng chuyển chứng từ gửi cho ngân hàng thu hộ để thu tiền (khách hàng nhập), theo Quy tắc thực hàng và thống nhất về nhờ thu của Phòng thương mại quốc tế (Bản URC 522 của ICC Paris).

Các ngân hàng thương mại phải tuyệt đối tuân thủ quy trình thanh toán nhờ thu. Ngân hàng thu hộ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu cố tình hoặc vô tình làm tăng mức độ rủi ro cho nhà xuất khẩu khi trao chứng từ cho nhà nhập khẩu.

3.3.2.3. Các giải pháp để hạn chế rủi ro trong phương thức tín dụng chứng từ đối với các ngân hàng thương mại

Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ vẫn là phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu nên điều cần thiết đầu tiên với các ngân hàng thương mại đó là cần phải nhanh chóng cập nhật UCP600 cho các cán bộ nhân viên phụ trách hoạt động thanh toán quốc tế.

Ngân hàng và khách hàng của mình là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu là hai yếu tố không thể tách rời nhau trong hoạt động thanh toán quốc tế nói chung và thanh toán tín dụng chứng từ nói riêng. Do đó, việc thường xuyên trao đổi thông tin hai chiều để giúp đỡ nhau tiến hành hoạt động giao dịch thương mại quốc tế an toàn, nhanh chóng là hết sức cần thiết.

Các ngân hàng phải xây dựng chính sách quản lý rủi ro thanh toán quốc tế trong chiến lược quản lý rủi ro tổng thể của mỗi ngân hàng thương mại. Trên cơ sở chiến lược quản lý rủi ro tổng thể của ngân hàng thương mại, cần cụ thể hóa nội dung chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động TTQT.

3.4. Đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Rủi ro trong thanh toán quốc tế một phần là do những nguyên nhân chủ quan từ phía các đơn vị kinh doanh XNK. Chính vì vậy doanh nghiệp XNK phải chú trọng những vấn đề sau:

Doanh nghiệp XNK cần nắm chắc các văn bản pháp lý cũng như nghiệp vụ ngân hàng quốc tế. Thường xuyên cập nhật các thông lệ, tập quán, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế.

Các doanh nghiệp XNK cần phải thận trọng khi lựa chọn đối tác.

Cần coi trọng uy tín trong kinh doanh. Doanh nghiệp phải có kế hoạch, phòng chống rủi ro pháp lý bằng cách xây dựng pháp chế doanh nghiệp chuyên nghiệp với những nhân viên đủ năng lực, trình độ để ký kết hợp đồng giao thương với nước ngoài. Cần tạo thói quen sử dụng tư vấn của luật sư, chuyên gia pháp lý trong hoạt động thương mại quốc tế.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, với việc mở rộng giao lưu hợp tác khu vực và trên thế giới, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong đó phải kể đến là lĩnh vực thanh toán quốc tế. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh qua các năm, nền kinh tế dần được cải thiện và phát triển. Đạt được kết quả đó phải kể đến sự đóng góp quan trọng của các phương thức thanh toán quốc tế. Trong những năm gần đây, các nghiệp vụ thanh toán quốc tế đã không ngừng đổi mới cho phù hợp với những yêu cầu của khách hàng. Bằng uy tín, nguồn vốn và kinh nghiệm dày dặn của các ngân hàng thương mại trong hoạt động thanh toán quốc tế, đặc biệt trong công tác thanh toán tín dụng chứng từ, phương thức tín dụng chứng từ đã thực sự trở thành một công cụ đắc lực cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, góp phần không nhỏ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mà phương thức thanh toán mang lại, các ngân hàng, người xuất khẩu và nhập khẩu cũng đối mặt với không ít các rủi ro khi thanh toán bằng phương thức này. Từ thực tiễn đó, Luận văn đã đi sâu nghiên cứu đề tài nói trên nhằm đưa ra các giải pháp đóng góp thúc đẩy phát triển các phương thức thanh toán nói chung và hoạt động thương mại nói riêng trên góc độ nghiên cứu các mặt lợi ích và rủi ro pháp lý của nhà XNK. Điều này được thể hiện một phần qua luận chứng, luận giải của đề tài nêu trên. Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu tổng hợp đã

nêu lên được những điểm lợi ích và rủi ro của các nhà XNK khi sử dụng các phương thức TTQT thông qua những vấn đề cơ bản lý luận về các phương thức TTQT và thực tiễn hoạt động ngoại thương ở Việt Nam. Luận văn đã hoàn thành những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, hệ thống có chọn lọc những lý luận cơ bản về hoạt động TTQT cũng như vai trò của TTQT trong hoạt động ngoại thương.

Hai là, dựa trên cơ sở lý luận về TTQT và thực tiễn hoạt động ngoại thương ở Việt Nam, người viết đã phân tích đưa ra các khía cạnh lợi ích và rủi ro pháp lý đối với nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu cũng như các ngân hàng thương mại khi sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế. Trước ngưỡng cửa của sự đổi mới và hội nhập, việc hạn chế thậm chí không thể để ra sai sót trong thanh toán quốc tế là một yêu cầu hết sức đúng đắn và thiết thực.

Ba là, Luận văn đã đưa ra những giải pháp về chính sách pháp luật, chính sách quản lý hoạt động XNK, cũng như hoàn thiện chính bản thân các bên tham gia trong TTQT nhằm hạn chế rủi ro, từ đó mở rộng phát triển các phương thức TTQT trong hoạt động ngoại thương góp phần tích cực, có hiệu quả vào phát triển kinh tế đất nước.

Với Luận văn này, tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị tham khảo và góp phần vào quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về các phương thức thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, Luận văn chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót, do vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà nghiên cứu, các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện.